

Số: 90 /TM-BVTH

THƯ MỜI
Về việc mời cung cấp báo giá thuốc

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm tại Việt Nam

Bệnh viện Thận Hà Nội (bệnh viện) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc năm 2024-2025. Bệnh viện kính mời các Công ty có đủ năng lực, kinh nghiệm báo giá thuốc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời cung cấp báo giá

1. Tên đơn vị: Bệnh viện Thận Hà Nội

Địa chỉ: Số 70, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sĩ Lê Thị Tâm, nhân viên Khoa dược, SĐT: 039 7544 094

Email: bvthnkhoaduoc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp qua Văn thư, Phòng Hành chính-Tổ chức, Bệnh viện Thận Hà Nội, Số 70, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Tất cả tài liệu gửi trực tiếp được đóng trong bao bì, bên ngoài ghi rõ: "Báo giá thuốc năm 2024-2025" và ghi đầy đủ thông tin bên gửi, bên nhận.

- Nhận báo giá qua email: bvthn@hanoi.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 12 tháng 6 năm 2024 đến trước 14 giờ ngày 24 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2

2. Bảng báo giá: Theo mẫu tại Phụ lục 3

3. Các thông tin khác:

- Yêu cầu báo giá bao gồm toàn bộ chi phí, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật

- Báo giá: Yêu cầu bản gốc, ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh của người đại diện hợp pháp.

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Bảng báo giá: Theo mẫu tại Phụ lục 3

+ Quyết định trúng thầu/hợp đồng cung cấp thuốc tương tự cho các cơ sở y tế đã ký trong vòng 12 tháng tính từ ngày ký báo giá trở về trước (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HSDT.


GIÁM ĐỐC
Phan Tùng Linh



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THUỐC GENERIC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 90 /TM-BVTH ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	Atropin sulfat	N4	0,25mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
2	Bupivacain hydroclorid	N1	5mg/mlx 4ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
3	Etomidat	N1	20mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
4	Fentanyl	N1	0,1mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
5	Isofluran	N1	100%/100ml	Đường hô hấp	Thuốc gây mê đường hô hấp/	Chai
6	Ketamin	N1	500mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
7	Lidocain hydroclorid	N4	2%/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
8	Midazolam	N1	5mg/1 ml x 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
9	Morphin	N4	10mg/1ml (dạng muối)	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
10	Pethidin hydroclorid	N1	100mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
11	Propofol	N1	1%/20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
12	Neostigmin metylsulfat	N4	0,5mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
13	Paracetamol	N1	500mg	Uống	Viên	Viên
14	Allopurinol	N2	300mg	Uống	Viên	Viên
15	Allopurinol	N4	300mg	Uống	Viên	Viên

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
16	Alpha chymotrypsin	N2	4,2mg	Uống	Viên	Viên
17	Alpha chymotrypsin	N4	4,2mg	Uống	Viên	Viên
18	Cetirizin	N2	10mg	Uống	Viên	Viên
19	Cetirizin	N4	10mg	Uống	Viên	Viên
20	Cinnarizin	N1	25 mg	Uống	Viên	Viên
21	Diphenhydramin	N4	10mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
22	Adrenalin	N4	1mg/ml x 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
23	Loratadin	N1	10mg	Uống	Viên	Viên
24	Calci gluconat	N2	10%/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
25	Ephedrin	N1	30mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
26	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	N4	1,4%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi
27	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	N1	1mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
28	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	N4	1mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
29	Polystyren	N2	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
30	Polystyren	N4	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
31	Phenobarbital	N4	100mg	Uống	Viên	Viên
32	Amikacin	N4	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
33	Gentamicin	N4	40mg/ml x 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống
34	Metronidazol	N4	5mg/ml x 100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống
35	Ciprofloxacin	N1	2mg/ml x 100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi
36	Ciprofloxacin	N2	2mg/ml x 100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi
37	Ciprofloxacin	N1	400mg/200ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi
38	Ciprofloxacin	N2	400mg/200ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi
39	Sulfamethoxazol + trimethoprim	N2	480mg	Uống	Viên	Viên
40	Vancomycin	N1	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Túi
41	Vancomycin	N4	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Túi
42	Vancomycin	N5	500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Túi
43	Ciclosporin	N2	25mg	Uống	Viên nang	Viên
44	Ciclosporin	N2	100mg	Uống	Viên nang	Viên
45	Pinene + camphene + cineol + fenchone + borneol + anethol	N1	31mg+ 15mg+ 3mg+ 4mg+ 10mg+ 4mg	Uống	Viên nang	Viên
46	Pinene + camphene + cineol + fenchone + borneol + anethol	N5	31mg+ 15mg+ 3mg+ 4mg+ 10mg+ 4mg	Uống	Viên nang	Viên
47	Solifenacin succinate	N1	5mg	Uống	Viên	Viên

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
48	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	N4	50mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống
49	Sắt sucrose	N1	100mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
50	Sắt sucrose	N4	100mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
51	Sắt fumarat + acid folic	N1	310mg + 0,35mg	Uống	Viên	Viên
52	Sắt fumarat + Acid folic	N4	305mg + 350mcg	Uống	Viên nang	Viên
53	Sắt sulfat + acid folic	N1	50mg sắt + 0,35mg acid folic	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
54	Sắt sulfat + acid folic	N1	114mg+ 0,8mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên
55	Enoxaparin (natri)	N1	6.000UI/0,6ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
56	Heparin (natri)	N1	25.000UI/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống
57	Heparin (natri)	N2	25.000UI/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống
58	Heparin (natri).	N5	25.000UI/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống
59	Tranexamic acid	N1	5% x 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
60	Tranexamic acid	N4	5% x 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
61	Tranexamic acid	N1	10% x 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
62	Tranexamic acid	N1	500mg	Uống	Viên nang	Viên
63	Albumin	N1	20% x 50ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ
64	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	N1	6%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
65	Erythropoietin	N4	2000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
66	Erythropoietin	N1	2000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
67	Erythropoietin	N2	2000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
68	Erythropoietin	N4	2000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
69	Erythropoietin	N5	2000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
70	Erythropoietin	N2	4000 IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
71	Methoxy polyethylene glycol epoietin beta	N1	50mcg/0,3ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
72	Methoxy polyethylene glycol epoietin beta	N1	30mcg/0,3ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm
73	Glyceryl trinitrat (Nitroglyc	N1	1mg/ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
74	Felodipin	N1	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
75	Methyldopa	N1	250mg	Uống	Viên	Viên
76	Nicardipin	N1	10mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
77	Nifedipin	N1	30 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
78	Nifedipin	N2	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
79	Nifedipin	N1	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
80	Perindopril + amlodipin	N1	5mg (dạng muối)+ 5mg	Uống	Viên	Viên
81	Perindopril + amlodipin	N1	10mg (dạng muối)+ 10mg	Uống	Viên	Viên
82	Perindopril + indapamid	N1	5mg (dạng muối)+ 1,25mg	Uống	Viên	Viên
83	Digoxin	N1	0,25mg/ml x 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
84	Dobutamin	N1	250mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
85	Atorvastatin	N2	20mg	Uống	Viên	Viên
86	Fenofibrat	N1	160mg	Uống	viên nang	Viên
87	Fenofibrat	N2	200mg	Uống	Viên nang	Viên
88	Cồn 70°	N4	500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ
89	Povidon iodin	N4	10%/150ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ
90	Povidon iodin	N4	10%/500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ
91	Povidon iodin	N4	10%/90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ
92	Furosemid	N4	10mg/ml x 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống
93	Furosemid	N4	40mg	Uống	Viên	Viên
94	Furosemid	N1	40mg	Uống	Viên	Viên
95	Spironolacton	N1	25mg	Uống	Viên	Viên

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
96	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	N4	2,5g + 0,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
97	Domperidon	N1	10mg	Uống	Viên	Viên
98	Metoclopramid	N1	10mg	Uống	Viên	Viên
99	Hyoscin butylbromid	N1	20mg/ml x 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
100	Hyoscin butylbromid	N4	20mg/ml x 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
101	Sorbitol	N4	3%-5L	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa vô khuẩn	Can
102	Sorbitol	N4	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
103	Diosmectit	N1	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
104	Silymarin	N1	150mg	Uống	Viên	Viên
105	Methyl prednisolon	N3	4mg	Uống	Viên	Viên
106	Methyl prednisolon	N4	4mg	Uống	Viên	Viên
107	Methyl prednisolon	N4	16mg	Uống	Viên	Viên
108	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	N1	100IU/ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
109	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	N1	100IU/ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
110	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose Hydrous + Natri Chloride + Natri Lactate + Calci Chloride + Magie Chloride	N2	(4,25g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 2l	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
111	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose Hydrous + Natri Chloride + Natri Lactate + Calci Chloride + Magie Chloride	N2	(2,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 2l	Tại chỗ (ngâm vào khoảng màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi
112	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose monohydrat + Natri clorid + Natri Lactat + Calci clorid.2H2O + Magnesi clorid.6H2O	N4	(2,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 2l	Tại chỗ (ngâm vào khoảng màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi
113	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose Hydrous + Natri Chloride + Natri Lactate + Calci Chloride + Magie Chloride	N2	(1,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 2l	Tại chỗ (ngâm vào khoảng màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi
114	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose monohydrat + Natri clorid + Natri Lactat + Calci clorid.2H2O + Magnesi clorid.6H2O	N4	(1,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 2l	Tại chỗ (ngâm vào khoảng màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi
115	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose Hydrous + Natri Chloride + Natri Lactate + Calci Chloride + Magie Chloride	N2	(1,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 5l	Tại chỗ (ngâm vào khoảng màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi
116	Dung dịch lọc màng bụng: Dextrose Hydrous + Natri Chloride + Natri Lactate + Calci Chloride + Magie Chloride	N2	(2,5g + 538mg + 448mg + 18,3mg + 5,08mg)/100ml x 5l	Tại chỗ (ngâm vào khoảng màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi
117	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (acetat): Natri clorid + Kali clorid + Calci clorid.2H2O + Magnesi clorid.6H2O + Acid acetic + Dextrose	N4	(210,7g + 5,222g + 9,0g + 3,558g + 6,310g + 35,0g)/l x 10l	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân	Can
118	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat): Natri hydrocarbonat	N4	840g/10 lít	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân	Can
119	Diazepam	N1	5mg	Uống	Viên	Viên

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
120	Diazepam	N4	10mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
121	Acid thioctic (Meglumin thioctat)	N1	600mg	Uống	Viên	Viên
122	Acetyl leucin	N1	500mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
123	Acetyl leucin	N4	500mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
124	Ambroxol	N2	30mg	Uống	Viên	Viên
125	Ambroxol	N5	30mg	Uống	Viên	Viên
126	N-acetylcystein	N1	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	gói
127	N-acetylcystein	N2	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	gói
128	N-acetylcystein	N4	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	gói
129	Kali clorid	N1	600mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
130	Acid amin	N1	7%/250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi
131	Acid amin	N4	7,2%/200ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi
132	Acid amin	N1	6,1%/200ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi
133	Acid amin	N2	5,4%/250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi
134	Glucose	N4	20%/ 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
135	Glucose	N4	5%/ 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
136	Glucose	N4	10%/ 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
137	Glucose	N4	30%/ 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
138	Kali clorid	N4	10%/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống
139	Natri clorid	N4	0,9%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
140	Natri chlorid	N4	0,9%/1000ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
141	Natri chlorid	N4	0,9% /100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
142	Ringer lactat	N4	500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ
143	Nước cất pha tiêm	N4	10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ Ống
144	Calci carbonat + vitamin D3	N1	1.250mg+400IU	Uống	Viên	Viên
145	Calci carbonat + vitamin D3	N1	1.250mg + 125IU	Uống	Viên	Viên
146	Calci carbonat + vitamin D3	N4	1.250mg + 125IU	Uống	Viên	Viên
147	Calcitriol	N4	0,25mcg	Uống	viên nang	Viên
148	Calcitriol	N4	0.5mcg	Uống	viên nang	Viên
149	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	N1	50mg+1,33mg+ 0,7mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Lọ/ống

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
150	Vitamin B1 + B6 + B12	N2	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên	Viên
151	Vitamin B1 + B6 + B12	N4	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên	Viên
152	Hydrocortison + Lidocain	N1	(125mg + 25mg)/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ/ống

✓



PHỤ LỤC 2

DANH MỤC THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kèm theo Thư mời báo giá số: 90 /TM-BVTH ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội)

TT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	Sevofluran	Sevorane	100%/250ml	Dạng hít	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Lọ
2	Rocuronium bromide	Esmeron	50mg/5ml	Tiêm/ tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Lọ
3	Celecoxib	Celebrex	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên
4	Meloxicam	Mobic	7,5mg	Uống	Viên nén	Viên
5	Valproat natri + valproic acid	Depakine Chrono	333mg + 145mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên
6	Amoxicilin + acid clavulanic	Augmentin 1g	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
7	Ampicilin + sulbactam	Unasyn	1g + 0,5g	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Lọ
8	Cefuroxim	Zinnat tablets 250mg	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
9	Cefuroxim	Zinnat tablets 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
10	Imipenem + cilastatin	Tienam	500mg+ 500mg	Tiêm/Tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ
11	Piperacilin + tazobactam	Tazocin	4g + 0,5g	Tiêm/Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Lọ
12	Clindamycin	Dalacin C	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên
13	Levofloxacin	Tavanic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
14	Fosfomycin	Fosmicin tablets 500	500mg	Uống	Viên nén	Viên
15	Fosfomycin sodium	Fosmicin for I.V.Use 1g	1g (hoạt lực)	Tiêm	Bột pha tiêm	Lọ



TT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
16	Teicoplanin	Targosid	400mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Lọ
17	Ciclosporin	Sandimmun Neoral 25mg	25mg	Uống	Viên nang mềm	Viên
18	Alfuzosin	Xatral XL 10mg	10mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên
19	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml	150mg/3ml	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Ống
20	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate)	Amlor	5mg	Uống	Viên nang cứng	Viên
21	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	Exforge	10mg + 160mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
22	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	Exforge	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
23	Bisoprolol fumarate	Concor	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
24	Cilnidipin	Atelec Table 10	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
25	Lisinopril	Zestril	5mg	Uống	Viên nén	Viên
26	Metoprolol succinate	Betaloc Zok 25mg	23,75 mg Metoprolol succinate tương đương với 25mg Metoprolol tartrate	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên
27	Telmisartan	Micardis	40mg	Uống	Viên nén	Viên
28	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci. 1,5H ₂ O)	Lipitor	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
29	Fenofibrate	Lipanthyl 200M	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên
30	Esomeprazol	Nexium Mups	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên

TT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
31	Esomeprazole	Nexium	40mg	Tiêm/ tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm /truyền tĩnh mạch	Lọ
32	Hyoscin butylbromid	Buscopan	10mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên
33	Diosmin + hesperidin	Daflon 500mg	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
34	Methyl prednisolon	Solu-Medrol	40mg	Tiêm/ tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Chai/ Lọ/ Ống/ Túi
35	Methyl prednisolon	Solu-Medrol	500mg	Tiêm/ tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Chai/ Lọ/ Ống/ Túi
36	Methyl prednisolon	Medrol	4mg	Uống	Viên nén	Viên
37	Methyl prednisolon	Medrol	16mg	Uống	Viên nén	Viên
38	Dapagliflozin	Forxiga	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên
39	Budesonid	Pulmicort Respules	500mcg/ 2ml	Hít	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ống
40	Salbutamol sulfat	Ventolin Inhaler	100mcg/liều x 200 liều	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình
41	Salbutamol sulfat	Ventolin Nebules	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Ống



PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 90 /TM-BVTH ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Thận Hà Nội
Địa chỉ: Số 70, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Căn cứ Thư mời báo giá số /TM-BVTH ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Thận Hà Nội, Công ty xin báo giá các thuốc sau:

STT	TT/ TT20	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký hoặc Giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Giá kê khai/kê khai lại mới nhất	Ngày/tháng/năm	Nhóm TCKT
1														Giá		
1																
2																
....																
Tổng cộng																

Giá trên đã bao gồm toàn bộ chi phí, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật
Bảo giá có hiệu lực.....kể từ ngày.....
Các tài liệu gửi kèm (nếu có)

....., ngày.....tháng.....năm 2024
Đại diện hợp pháp của công ty
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)